

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2018/DS-ST

Ngày: 07/11/2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Bình

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Trần Phúc

2. Ông Thái Văn Lộc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đàm Nguyên Phượng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Xuân Hồng Vinh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02 và ngày 07 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 304/2017/TLST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2018/QĐXXST-DS ngày 12/10/2018, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Ninh Thị Kim H, sinh năm 1968; Địa chỉ: ấp S, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt)

- ***Bị đơn:*** 1/ Chị Mai Thị Kim T, sinh năm 1987; Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt)

2/ Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1983; Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; Tạm trú: ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh.(Có mặt)

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1963; Địa chỉ: ấp S, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24 tháng 8 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bà Ninh Thị Kim H là nguyên đơn trình bày:

Ngày 12 tháng 5 năm 2015 vợ chồng bà có cho chị Mai Thị Kim T và anh Nguyễn Thanh T vay số tiền 200.000.000 đồng lãi suất 3% một tháng, ngày 12 tháng 9 năm 2015 vợ chồng bà cho chị T và anh T vay thêm số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 3% một tháng. Tổng cộng là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng), có làm hợp đồng vay nợ, chị T và anh T đóng tiền lãi suất cho vợ chồng bà theo thỏa thuận được 4 tháng, tiền lãi suất mỗi tháng đóng 10.500.000 đồng, tổng cộng số tiền là 42.000.000 đồng, không có làm giấy tờ. Tháng 11 năm 2017 chị T và anh T trả cho bà được số tiền gốc là 20.000.000 đồng, sau đó anh T đưa cho vợ chồng bà thêm tiền lãi suất là 30.000.000 đồng, tổng cộng tiền lãi suất vợ chồng bà nhận của anh T là 72.000.000 đồng, không có làm giấy tờ. Hiện nay chị T và anh T còn nợ lại vợ chồng bà số tiền gốc là 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng). Nay bà yêu cầu chị T và anh T trả cho vợ chồng bà số tiền gốc là 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng) và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật, tính từ tháng 01/2016 cho đến ngày xét xử.

Bị đơn Chị Mai Thị Kim T và anh Nguyễn Thanh T trình bày:

Ngày 12 tháng 5 Năm 2015 anh chị có vay của bà H ông H số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 3,5% một tháng. Ngày 12 tháng 9 năm 2015 anh chị vay thêm số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 3,5% một tháng. Tổng cộng là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) có làm hợp đồng vay nợ, anh chị đã đóng tiền lãi suất cho ông H bà H được 6 lần, mỗi lần đóng số tiền là 12.500.000 đồng, tổng cộng là 75.000.000 đồng, khi trả tiền lãi suất anh chị và ông H bà H không có làm giấy tờ và cũng không có ai biết. Tháng 11 năm 2017 anh chị trả cho bà H, ông H số tiền gốc là 20.000.000 đồng. Ngày 13/12/2017 anh chị trả thêm cho ông H bà H số tiền gốc 5.000.000 đồng. Ngày 05/01/2018 anh chị trả thêm số tiền gốc là 25.000.000 đồng, tổng cộng anh chị đã trả cho ông H bà H số tiền gốc là 50.000.000 đồng. Hiện nay anh chị còn nợ lại ông H bà H số tiền gốc là 300.000.000 đồng. Anh chị đồng ý trả cho ông H bà H số tiền gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn H trình bày:

Theo bà H trình bày là đúng, ông yêu cầu chị T và anh T trả cho vợ chồng ông số tiền gốc là 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng) và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật, tính từ tháng 01/2016 cho đến ngày xét xử.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà NinhThị Kim H, buộc chị Mai Thị Kim T và anh Nguyễn Thanh T trả cho bà H ông H số tiền gốc là 300.000.000 đồng, tiền lãi suất tính theo quy định của pháp luật có trừ số tiền lãi nguyên đơn đã nhận vượt quá quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về nội dung: Bà Ninh Thị Kim H, ông Nguyễn Văn H cho rằng chị T anh T vay hai lần số tiền 350.000.000 đồng, đã trả được số tiền gốc 20.000.000 đồng, còn lại số tiền gốc là 330.000.000 đồng. Nay ông bà yêu cầu chị Mai Thị Kim T anh Nguyễn Thanh T trả cho ông, bà số tiền gốc 330.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 cho đến ngày xét xử.

Anh T chị T thừa nhận anh chị có vay của bà H, ông H tổng cộng số tiền 350.000.000 đồng, anh chị đã trả được số tiền gốc là 50.000.000 đồng, còn lại số tiền gốc là 300.000.000 đồng, vì vậy hợp đồng vay tài sản giữa bà H với chị T và anh T là có thật.

Tại phiên tòa bà H, ông H xác định ông bà đã nhận tiền lãi suất của chị T, anh T theo thỏa thuận là 3% đối với số tiền vay 200.000.000 đồng là 4 tháng, số tiền là 24.000.000 đồng và nhận tiền lãi suất đối với số tiền vay 350.000.000 đồng là 42.000.000 đồng, nhận số tiền gốc là 20.000.000 đồng, còn lại số tiền gốc là 330.000.000 đồng.

Ngược lại chị T, anh T cho rằng lãi suất là 3,5% một tháng và đã đóng tiền lãi cho bà H, ông H 6 tháng tiền lãi suất 75.000.000 đồng và trả tiền gốc là 50.000.000 đồng, còn lại số tiền gốc là 300.000.000 đồng

[2] Tại bản cam kết ngày 21/11/2017 thể hiện anh T trả cho ông H số tiền gốc 20.000.000 đồng, do đó có cơ sở chấp nhận số tiền gốc đã trả là 20.000.000 đồng, do hai bên có tranh chấp về tiền lãi suất nên cần tính lãi suất lại theo mức lãi suất cơ bản là 9%/năm bằng 0,75% / tháng, cụ thể như sau:

- Ngày 12 tháng 5 năm 2015, vay số tiền 200.000.000 đồng lãi suất tính đến ngày 15/9/2015 (123 ngày) tiền lãi là 6.300.000 đồng. bà H ông H đã nhận số tiền lãi là 24.000.000 đồng, khấu trừ số tiền lãi 6.300.000 đồng, còn lại 17.700.000 đồng được khấu trừ vào số tiền gốc.

- Ngày 15/9/2015, vay số tiền 350.000.000 đồng, trừ số tiền lãi suất bà H ông H nhận vượt quá mức lãi suất cơ bản là 17.700.000 đồng, số tiền gốc còn lại là 332.300.000 đồng, tiền lãi suất tính từ ngày 15/9/2018 đến ngày 21/11/2017 là (798 ngày) số tiền lãi là 66.293.850 đồng, khấu trừ tiền lãi suất bà H ông H đã nhận là 42.000.000 đồng, còn lại số tiền lãi là 24.293.850 đồng .

- Ngày 21/11/2017 trả số tiền gốc 20.000.000 đồng trừ vào số tiền gốc 332.300.000 đồng, còn lại số tiền gốc là 312.300.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày ngày 13/12/2017 là (22 ngày) số tiền 1.717.650 đồng, tổng cộng hai khoản tiền lãi bà H, ông H chưa nhận là 26.011.500 đồng.

- Ngày 13/12/2017 trả số tiền 5.000.000 đồng, khấu trừ vào tiền lãi 26.011.500 đồng tiền lãi còn lại là 21.011.500 đồng.

- Ngày 13/12/2017 tiền gốc còn lại 312.300.000 đồng, tiền lãi suất tính đến ngày 05/01/2018 là (23 ngày) tiền lãi là 1.795.725 đồng, tổng cộng hai khoản tiền lãi bà H, ông H chưa nhận là 22.807.225 đồng

- Ngày 05/01/2018 trả 25.000.000 đồng trừ tiền lãi là 22.807.225 đồng, còn lại số tiền 2.192.775 đồng, khấu trừ vào số tiền gốc 312.300.000 đồng, còn lại số tiền gốc là 310.107.225 đồng.

- Ngày 05/01/2018 số tiền gốc còn lại là 310.107.225 đồng, lãi suất tính đến ngày 07/11/2018 là (306 ngày) số tiền lãi là 23.723.203 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 333.830.428 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ninh Thị Kim H buộc chị Mai Thị Kim T và anh Nguyễn Thanh T có nhĩa vụ liên đới trả cho bà Ninh Thị Kim H và ông Nguyễn Văn H tổng cộng tiền 333.830.428 đồng, trong đó tiền gốc là 310.107.225 đồng và tiền lãi suất 23.723.203 đồng

Không chấp nhận số tiền gốc bà H ông H yêu cầu chị T anh T trả là 19.892.775 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Mai Thị Kim T và anh Nguyễn Thanh T phải chịu 16.691.521 đồng (Mười sáu triệu sáu trăm chín mươi một nghìn năm trăm hai mươi một đồng) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm

Bà Ninh Thị Kim H và ông Nguyễn Văn H yêu cầu trả số tiền gốc 330.000.000 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận số tiền gốc 310.107.225 đồng nên bà H ông H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của ông bà không được chấp nhận là $19.892.775 \text{ đồng} \times 5\% = 994.638 \text{ đồng}$ (Chín trăm chín mươi bốn nghìn, sáu trăm ba mươi tám đồng)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 471 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ninh Thị Kim H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc chị Mai Thị Kim T và anh Nguyễn Thanh T có có nhĩa vụ liên đới trả cho bà Ninh Thị Kim H và ông Nguyễn Văn H số tiền gốc là 310.107.225 đồng, tiền lãi suất 23.723.203 đồng, tổng cộng: 333.830.428 đồng,(Ba trăm ba mươi ba triệu tám trăm ba mươi nghìn, bốn trăm hai mươi tám đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Án phí: Chị Mai Thị Kim T và anh Nguyễn Thanh T phải chịu 16.691.521 đồng (Mười sáu triệu sáu trăm chín mươi một nghìn năm trăm hai mươi một đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm

Bà Ninh Thị Kim H và ông Nguyễn Văn H phải chịu 994.638 đồng (Chín trăm chín mươi bốn nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.250.000 đồng (Mười triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0018941 ngày 30 tháng 8 năm 2018. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, hoàn trả lại cho bà H, ông H số tiền 9.255.362 đồng.(Chín triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn, ba trăm sáu mươi hai đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Châu Thành;
- THADS H.Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu : Tập án , H/s.

Nguyễn Thị Minh Bình

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Linh – Hoàng Đình Ngân

Nguyễn Thị Minh Bình

